

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÌNH LẬP  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08-12-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lành Thị Vệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Sái Thị Vi;

Ông Nguyễn Thành Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bé Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Bé Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bé Thị D trình bày:

Chị và anh Bé Văn L đã có thời gian tìm hiểu nhau tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương. Ngày 10/10/2014 chị Bé Thị D và anh Bé Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng được 01 tháng thì dọn ra ở riêng và vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Sau khi ra ở riêng được khoảng 05 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ngoài ra anh Bé Văn L hay đi chơi không chăm lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và thỉnh thoảng có đánh nhau. Đến cuối năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị Bé Thị D không chịu đựng được nên đã về sống với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay chị Bé Thị D xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể chung sống với anh Bé Văn L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị Bé Thị D và anh Bé Văn L có 01 người con chung là Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015. Khi ly hôn chị Bé Thị D yêu cầu anh Bé Văn L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung với lý do là đã để lại toàn bộ tài sản cho Bé Văn L để nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Anh Bé Văn L vắng mặt tại phiên tòa và đã trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022 như sau: Anh và chị Bé Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2016 chị Bé Thị D bỏ đi làm Công ty khi con mới được 13 tháng tuổi. Trước khi chị Bé Thị D bỏ đi vợ chồng không có mâu thuẫn gì và khi đi chị Bé Thị D không có bàn bạc gì với anh. Vợ chồng đã sống ly thân từ khi chị Bé Thị D bỏ đi đến nay và không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Bé Thị D nên anh Bé Văn L đồng ý ly hôn với chị Bé Thị D. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015. Khi ly hôn anh Bé Văn L đồng ý nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi và khẳng định đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu chị Bé Thị D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có.

Tại biên bản xác minh ở nơi cư trú của chị Bé Thị D và anh Bé Văn L cho biết: Chị Bé Thị D và anh Bé Văn L kết hôn với nhau và có một người con chung. Sau khi con được khoảng hơn 01 tuổi thì chị Bé Thị D bỏ đi khỏi địa phương và không báo cáo với chính quyền địa phương. Anh Bé Văn L một mình nuôi con từ khi chị Bé Thị D bỏ đi đến nay. Hiện nay, anh Bé Văn L vừa phát triển kinh tế nông nghiệp vừa kinh doanh nhỏ nên có thu nhập để nuôi con. Về mâu thuẫn vợ chồng, trước khi chị Bé Thị D bỏ đi thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Bé Thị D, xử cho chị Bé Thị D được ly hôn với anh Bé Văn L. Về con chung: Đề nghị giao cháu Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015 cho anh Bé Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Bé Văn L không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bé Thị D yêu cầu ly hôn với anh Bé Văn L và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung của vợ chồng khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bé Văn L cư trú tại: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần đầu vắng mặt bị đơn anh Bé Văn L nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị D và anh Bé Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10 tháng 10 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân của chị Bé Thị D và anh Bé Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi và không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2016 đến nay và trong thời gian ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Bé Thị D và anh Bé Văn L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Bé Thị D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Bé Thị D và anh Bé Văn L có 01 (một) con chung là Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015. Khi ly hôn chị Bé Thị D yêu cầu anh Bé Văn L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cháu Bé Minh N có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, anh Bé Văn L đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ khi con được 13 tháng tuổi đến nay. Anh Bé Văn L vừa phát triển kinh tế nông nghiệp vừa kinh doanh tự do nên có thu nhập đủ điều kiện để nuôi

dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện cần giao con chung là Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015 cho anh Bé Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Bé Văn L không yêu cầu. Chị Bé Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bé Thị D. Xử cho chị Bé Thị D được ly hôn với anh Bé Văn L.

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 10/10/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao cho anh Bé Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bé Minh N, sinh ngày 13/02/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Bé Thị D phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Bé Thị D đã nộp đủ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003647, ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lành Thị Vệ**